

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS - PT
Ngày 30 - 3 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;
Bà Nguyễn Thị Trung Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Nhàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 44/2017/TLPT- DS ngày 13/11/2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn S; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn C, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T; địa chỉ: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn K; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T; địa chỉ: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lộc Thị T. Vắng mặt.

2. Anh Hà Văn Q. Vắng mặt.
3. Chị Lành Thị D. Vắng mặt.
4. Anh Hà Văn D. Có mặt.

Bà Lộc Thị T, anh Hà Văn Q, chị Lành Thị D và anh Hà Văn D cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của bà Lộc Thị T, anh Hà Văn Q, chị Lành Thị D: Ông Hà Văn S, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2017).

5. Ông Nông Văn T. Vắng mặt.
6. Bà Nông Thị B. Vắng mặt.

Ông Nông Văn T và bà Nông Thị B cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã B: Ông Triệu Ngọc K – Chủ tịch UBND xã B, là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nông Văn K, là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Hà Văn S và anh Nông Văn K tranh chấp với nhau quyền sử dụng đất và di dời cây trồng trên đất tại đồi C, thuộc thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 2968,5m² thuộc thửa 875, tờ bản đồ số 05 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2017).

Nguyên đơn, ông Hà Văn S cho rằng, về nguồn gốc, diện tích đất hiện đang tranh chấp do cha ông để lại, năm 1995 gia đình ông S đã được UBND huyện C giao đất giao rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 244-UB-QĐ ngày 19/6/1995, giao cho chủ hộ là ông Hà Văn S với tổng diện tích 1,60 ha. Do chia cắt địa giới hành chính xã B và xã T, nay thửa đất đang tranh chấp thuộc thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2002 ông trồng cây thông hết phần diện tích đất đã được giao là 1,60 ha. Sau 05 năm ông trồng cây thông và không biết ai trộm, chặt phá 01 ha cây thông. Tháng 2 năm 2016 gia đình ông đi khôi phục trồng lại số cây thông đã bị trộm, chặt phá thì anh Nông Văn K đến tranh chấp đất rồi xảy ra xô xát. Việc tranh chấp chưa được giải quyết xong nhưng anh K vẫn tiếp tục trồng hơn 20 cây lát vào năm 2016. Việc xảy ra tranh chấp đã được UBND xã hòa giải nhưng không thành. Nay ông Hà Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quản lý và sử dụng đối với 2968,5m² đất thuộc thửa 875 tọa tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và buộc anh K di dời các cây lát ra khỏi diện tích đất nêu trên.

Bị đơn là anh Nông Văn K cho rằng, về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông bà để lại cho bố anh là ông Nông Văn T và mẹ anh là bà Nông Thị B. Gia đình anh K canh tác, sử dụng từ trước năm 1983. Khi Nhà nước yêu cầu các hộ dân đi kê khai làm thủ tục cấp sổ bìa xanh thì bố mẹ anh đi vắng (trông nương, rẫy ở nơi khác) nên không được biết chương trình kê khai làm thủ tục cấp sổ bìa xanh; đến năm 2003 gia đình anh có trồng 2000 cây thông, đến năm 2004 không biết ai nhổ đi; năm 2005 gia đình anh trồng cây hồi, cây hồng và một số cây khác. Ngày 12/7/2016 ông Hà Văn S cho rằng đất đồi C, thôn C, xã B là đất của bố mẹ ông S để lại. Anh K thừa nhận, thời gian trước đó bố, mẹ ông S cũng đã cách tác lúa nương trên đất tranh chấp 01 đến 02 năm rồi bỏ hoang. Nay ông Hà Văn S khởi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với 2968,5m² đất thuộc thửa 875, tờ số 05 thuộc thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và buộc anh di dời các cây lát ra khỏi đất tranh chấp, anh không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện trên của ông Hà Văn S.

Bà Lộc Thị T, anh Hà Văn Q, chị Lành Thị D, anh Hà Văn D đều nhất trí với các lời khai của ông Hà Văn S về việc yêu cầu được quản lý và sử dụng diện tích là 2968,5m².

Ông Nông Văn T và bà Nông Thị B cho rằng, đất rừng C, thôn C, xã B là đất của ông cha để lại cho ông T, bà B. Từ năm 1983 gia đình ông, bà vẫn thường xuyên cách tác, trồng cây sắn, cây hồng, cây hồi, cây thông, cây mận đều bị người khác chặt phá. Sau đó ông bà giao quyền quản lý cho con trai là Nông Văn K để cách tác sử dụng. Đầu năm 2016 anh K có trồng trên đất 01 hàng cây lát để làm ranh giới với thửa đất của gia đình ông Hà Văn S. Tháng 02 năm 2016 ông Hà Văn S đến tranh chấp đất với con trai ông bà là anh Nông Văn K. Ông S cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông S nhưng từ khi ông Tín còn nhỏ cho tới bây giờ chưa thấy ông S đến canh tác chỗ đất tranh chấp này bao giờ. Thời gian trước đó, ông S có đến nhà xin ông Nông Văn T cho làm nương và được ông T, bà B đồng ý. Được khoảng 01 đến 02 năm thì gia đình ông T, bà B không cho ông S sử dụng đất rừng đó nữa và ông bà tiếp tục quản lý và sử dụng cho tới nay.

Khi cơ quan Nhà nước yêu cầu các hộ dân kê khai làm hồ sơ cấp sổ bìa xanh thì gia đình ông bà không có ai ở nhà để làm thủ tục kê khai làm hồ sơ cấp sổ bìa xanh, vì vậy gia đình ông bà cho đến nay vẫn chưa được cấp sổ hoặc giấy tờ gì. Ông Nông Văn T và bà Nông Thị B nhất trí với ý kiến của anh Nông Văn K, đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý và sử dụng diện tích đất hiện đang tranh chấp cho anh Nông Văn K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 5; Điều 22; khoản 4 Điều 100; Điều 135, Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai 2013; các Điều 105, 107, 115, 164; Điều 166; Điều 169 của Bộ luật Dân sự.

Xử tạm giao diện tích đất đang tranh chấp có ký hiệu S3 = 2968,5m²; có các điểm M10, M11, M12, M13, M14, thuộc một phần của thửa 875, theo mảnh trích đo địa chính số 02-2017 hệ tọa độ VN2000, thôn C, tờ số 05 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho ông Hà Văn S được quyền quản lý, sử dụng. Ông Hà Văn S có trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan chuyên môn quản lý về đất đai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (có trích đo địa chính kèm theo).

Căn cứ Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản Điều 210 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu như sau: Một phần thửa đất số 1275, có ký hiệu S1= 1503,8m² và thửa đất số 1276, có ký hiệu S2 = 980,6m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị B1; trú tại: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn...

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tổng số tiền là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) mỗi người phải chịu một nửa là 1.750.000 đồng, anh Nông Văn K có trách nhiệm phải trả cho ông Hà Văn S số tiền 1.750.000 đồng; ông Hà Văn S chịu chi phí thuê đo đạc là 8.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, ngày 10/10/2017 bị đơn là anh Nông Văn K kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

Anh Nông Văn K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2968,5m², thuộc thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vì Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm:

Không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 196 và điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất tranh chấp và di dời toàn bộ cây trồng trên đất. Tuy nhiên, thông báo thụ lý của Tòa án chỉ thụ lý yêu cầu tranh chấp diện tích 01 ha đất rừng.

Mâu thuẫn, không chính xác giữa Biên bản xem xét, thẩm định ngày 01/6/2017; biên bản định giá tài sản ngày 28/6/2017 và phần nhận định của bản án sơ thẩm. Hai biên bản trên đều xác định không có tài sản là cây trên đất nhưng tại mục [5] phần nhận định của bản án lại công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc bên không có quyền quản lý, sử dụng đất sẽ có trách nhiệm di dời cây ra khỏi đất. Phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên về việc di dời cây trên đất, gây khó khăn khi thi hành án;

Về xác định nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì khi yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận thì bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản nhưng bản án sơ thẩm lại buộc mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí định giá tài sản;

Bản án ghi ngày xét xử không đúng theo mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vụ án được xét xử ngày 01/9/2017, sau đó phải tạm ngừng phiên tòa để bổ sung chứng cứ, đến ngày 25/9/2017 tiếp tục xét xử nhưng bản án chỉ ghi ngày xét xử là ngày 25/9/2017.

Việc hòa giải ở cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã B chưa đúng quy định, vì thành phần hòa giải ngày 23/9/2016 thiếu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; nội dung hòa giải không thể hiện rõ diện tích, địa danh đất tranh chấp, số lô, số khoảnh, thuộc tờ bản đồ nào... nên không có căn cứ xác định diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án đã được hòa giải tại UBND xã.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo anh Nông Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Nguyên đơn, ông Hà Văn S đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến bị đơn từ chối tham gia tố tụng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đối với việc vắng mặt của người kháng cáo, anh Nông Văn K, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với các nội dung kháng nghị: Giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Người kháng cáo anh Nông Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của anh Nông Văn K.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc:

[4] Đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2016; đơn đề ngày 05/01/2017 và các đơn tiếp theo của ông Hà Văn S có nội dung “yêu cầu ông Khảo trả lại 01 ha và di dời hết toàn bộ số cây đã trồng ra khỏi chỗ đất của tôi” (bút lục 01 – 02; 27 – 28; 52).

[5] Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện ý kiến của ông Hà Văn S “Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện” (bút lục số 189) và “Tôi yêu cầu di dời số cây lát đã trồng tháng 02 năm 2016” (bút lục 189).

[6] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản xác định rõ tài sản trên đất tranh chấp: Không có (bút lục số 97 – 103) .

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ông Hà Văn S về nội dung tài sản trên đất tranh chấp và được ông S trả lời: “Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không thể hiện có tài sản trên là vì số cây lát anh K mới trồng vào tháng 02 năm 2016, cây còn nhỏ chưa có giá trị lớn nên lúc đó tôi thống nhất với anh K là tài sản trên đất không có nên không ghi vào biên bản” (bút lục 188). Bị đơn, anh Nông Văn K cũng cùng ý kiến như trên: “Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không thể hiện có tài sản trên là vì số cây lát tôi mới trồng vào tháng 02 năm 2016, cây còn nhỏ chưa có giá trị lớn nên lúc đó tôi thống nhất với ông S là tài sản trên đất không có, vì vậy không ghi vào biên bản” (bút lục 188).

[8] Như vậy, khi khởi kiện, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu trả lại diện tích đất tranh chấp và di dời số cây lát anh K đã trồng ra khỏi đất tranh chấp. Tuy nhiên, khi xem xét, thẩm định tại chỗ, do cả hai bên đương sự đều thống nhất, cây lát mới trồng chưa có giá trị lớn nên xác định không có tài sản trên đất tranh chấp. Việc thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho đương sự rút yêu cầu khởi kiện về nội dung di dời cây trồng trên đất. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự tiếp tục có yêu cầu về nội dung này.

[9] Bản án sơ thẩm có nhận định về cây trồng trên đất này tại mục [5] (bút lục 180) nhưng tại phần Quyết định của bản án lại không tuyên về trách nhiệm di dời cây trên đất (bút lục 179 – 180).

[10] Ngày 12/3/2018 Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh, xác định được trên đất tranh chấp có các cây hồng, cây sớ và cây bạch đàn. Các cây bạch đàn, đương sự đều thừa nhận được trồng sau thời điểm bản án sơ thẩm được ban hành. Còn các cây hồng, cây sớ trồng trước khi xảy ra tranh chấp.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hà Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với đất tranh chấp cho gia đình ông Hà Văn S và buộc anh Nông Văn K di dời cây trồng ra khỏi đất tranh chấp.

[12] Như vậy, đối với nội dung di dời cây trồng trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 196 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy để giải quyết lại.

[13] Đối với nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, khi yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận thì bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí định giá tài sản là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có vi phạm về ghi ngày xét xử không đúng mẫu theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát. Nội dung này không phải vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng cấp sơ thẩm cũng cần phải rút kinh nghiệm.

[15] Đối với kháng nghị về việc hòa giải ở cơ sở tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phần hòa giải ngày 23/9/2016 thiếu thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; nội dung hòa giải không thể hiện rõ diện tích, địa danh đất tranh chấp, số lô, số khoảnh, thuộc tờ bản đồ nào... Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn S và đại diện UBND xã B đều khẳng định việc tranh chấp giữa ông Hà Văn S và anh Nông Văn K đã được hòa giải tại UBND xã B. UBND xã B đã hòa giải đúng diện tích đất thực tế hiện đang tranh chấp giữa ông S và anh K. Quá trình hòa giải, UBND xã đã đi xác minh tại thực địa sau đó tổ chức hòa giải tại trụ sở UBND xã. Như vậy, việc tranh chấp giữa ông Hà Văn S và anh Nông Văn K đã được hòa giải tại UBND xã và đủ điều kiện thụ lý vụ án tại Tòa án.

[16] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

[17] Do hủy bản án nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; chi phí đo đạc và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

[18] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên anh Nông Văn K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; chi phí đo đạc và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

2. Án phí phúc thẩm:

Áp dụng khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nông Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
 - VKSNDCC tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh Lạng Sơn;
 - TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
 - CCTHDS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự;
- HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái